



TRIỂN VỌNG HỢP TÁC ĐỐI PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VIỆT NAM - LÀO - CAMPUCHIA

ThS. Lê Duy Thắng

Trưởng Đại học Chính trị - Bộ Quốc phòng

Biến đổi khí hậu đang là mối đe dọa toàn cầu và nó đòi hỏi các giải pháp đa phương, do đó, sự hợp tác khu vực để tăng cường thực lực ứng phó với tình trạng biến đổi khí hậu là một ưu tiên hàng đầu của các quốc gia nhằm bảo vệ lợi ích của mình. Việt Nam, Lào và Campuchia là những nước đã và đang phải đối mặt với những thách thức ngày càng lớn do quá trình biến đổi khí hậu gây ra. Trên cơ sở đánh giá về bối cảnh khu vực hiện nay, thực trạng kinh tế cũng như mục tiêu phát triển của ba nước, bài viết sẽ đề cập một số lĩnh vực Việt Nam, Lào và Campuchia có thể thúc đẩy hợp tác để giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu và hướng tới sự phát triển mang tính bền vững.

Đánh giá về thực trạng khu vực

So với các nước Đông Á và Đông Nam Á khác, Việt Nam, Lào và Campuchia mới đang ở giai đoạn đầu trong quá trình phát triển ngành năng lượng,

công nghệ và công nghiệp. Kể từ khi mở cửa nền kinh tế những năm 1980, Việt Nam, Lào và Campuchia đã có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao, chủ yếu nhờ xuất khẩu và đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, tỉ lệ đói nghèo cũng vẫn còn khá lớn khi tính theo tiêu chuẩn khu vực, đặc biệt là tại các vùng nông thôn. Đối với cả ba nước, công nghiệp hoá, phát triển thương mại, nông thôn và thúc đẩy việc làm là những ưu tiên hàng đầu. Các mối liên hệ hiện có giữa ba nước thông qua thương mại và đầu tư đóng một vai trò quan trọng trong chiến lược hướng tới sự phát triển bền vững. Việt Nam đang trở thành nhà nhập khẩu chính các nguyên liệu thô, bao gồm rau quả, thuốc lá và cao su, và là nhà đầu tư (về lĩnh vực thủy điện, khai khoáng và trồng cao su) tại Lào và Campuchia. Ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia hiện đều cần nguồn tài chính từ bên ngoài (thông qua đầu tư nước ngoài và viện trợ) để phát triển các ngành công nghiệp, năng lượng và các lĩnh vực

khác. Việt Nam đã thu được một số thành công trong việc thu hút đầu tư nước ngoài, song tổng đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vẫn còn thấp so với nhiều nước khác trong ASEAN. Riêng đầu tư cho lĩnh vực năng lượng của Việt Nam cần tới 3 tỉ USD mỗi năm, trong đó khoảng một nửa là nguồn đầu tư nước ngoài. FDI tại Lào và Campuchia hiện vẫn còn thấp và tài trợ không hoàn lại vẫn đóng một vai trò quan trọng. Trong khi đó, các tác động của biến đổi khí hậu và các chiến lược chống biến đổi khí hậu tạo ra cả các thách thức lẫn cơ hội đối với ba nước trên bán đảo Đông Dương này. Cả ba quốc gia đều dễ bị tổn thương trước những tác động tiềm tàng do khả năng thích ứng thấp, nguy cơ chịu tác động cao từ sự nguy hiểm của thời tiết cũng như mật độ dân cư đông tại các khu vực bị tác động mạnh nhất. Vì thế, các tác động của biến đổi khí hậu có thể huỷ hoại những thành quả phát triển, trong đó có nhiều thành tựu trong lĩnh vực năng lượng, kinh tế có được từ nguồn viện trợ nước ngoài.

Với mục tiêu trở thành nước công nghiệp phát triển vào năm 2020, nhiều khả năng Việt Nam sẽ phải thực hiện một số cam kết giảm khí thải gây hiệu ứng nhà kính (GHG) theo các thỏa thuận quốc tế trong tương lai. Hơn nữa, các lợi ích xuất khẩu cũng sẽ bị tác động bởi thương mại liên quan tới biến đổi khí hậu và các biện pháp dựa trên thị trường của một số đối tác thương mại chính của các nước sông Mê Công. Đây là một vấn đề đặc biệt quan ngại với Việt Nam với tư cách là nước xuất khẩu gạo, đồ may mặc, giày dép và đồ điện tử. Lào và Campuchia cũng sẽ bị tác động bởi phát triển thương mại là một phần quan trọng trong các chiến lược phát triển của nước này. Ba nước sẽ buộc phải thực hiện các cam kết cắt giảm khí thải theo đó có thể áp đặt các lệnh cấm vận đối với các sản phẩm nhập khẩu từ các nước mà ngành công nghiệp của họ không đòi hỏi phải cắt giảm khí thải. Không chỉ vậy, việc thảo luận cũng đang tiếp tục diễn ra liên quan tới việc đưa nhân hiệu hàm lượng cacbon để minh chứng cho những biện pháp giảm khí thải của sản phẩm và điều này sẽ gây nhiều bất lợi cho các quốc gia xuất khẩu sản phẩm có chứa hàm lượng cacbon cao.

Theo Lộ trình Bali năm 2007, Hiệp ước Copenhagen 2009, cũng như kế hoạch hành động theo tinh thần Tuyên bố Durban tại Hội nghị biến đổi khí hậu lần thứ 17 ở Nam Phi năm 2011 (COP-

17), các nước đang phát triển cam kết sẽ thực hiện các hành động cắt giảm đáng kể ở cấp độ quốc gia. Tuy nhiên, đây là những thách thức về lâu dài. Trước mắt, Việt Nam có cơ hội thúc đẩy sớm sự phát triển hàm lượng cacbon thấp và coi đó là một phần quan trọng của tiến trình phát triển nhằm tránh bị khoá chặt trong mô hình tăng trưởng hàm lượng cacbon cao. Trong khi đó, Lào và Campuchia trong tương lai gần sẽ không bị đòi hỏi phải giảm lượng khí thải bởi họ là các nước có trình độ phát triển thấp nhất. Ngoài ra, các hoạt động nông nghiệp hàm lượng cacbon thấp, sử dụng ít năng lượng và phân bón cũng có thể là một lợi ích của cả ba nước, nơi ngành nông nghiệp tiếp tục đóng một vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế và tạo công ăn việc làm.

Ba nước cũng có những lợi ích chung và những điểm tương đồng có thể làm động lực cho sự hợp tác ba bên trong việc đối phó với biến đổi khí hậu. Ba nước sẽ phải đối mặt với những thách thức công nghệ và tài chính giống nhau trong việc phát triển các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp và năng lượng. Việc thực hiện các chiến lược chung nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu do đó là một nhu cầu rõ ràng. Đa phần các tác động của biến đổi khí hậu ảnh hưởng tới toàn khu vực và cần phải có giải pháp khu vực, trong đó có việc kiểm soát di cư do biến đổi khí hậu, ngăn chặn sự lan tràn của các căn bệnh truyền nhiễm, giải quyết những tác động với hệ sinh thái chung (đặc biệt là nguồn nước sông Mê Công) và hợp tác về công nghệ cũng như nghiên cứu thích ứng với biến đổi khí hậu. Hơn nữa, sự liên hệ giữa ba quốc gia thông qua thương mại và đầu tư, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp, có thể ảnh hưởng tới các nguồn lực sẵn có tại các quốc gia khác.

Với khả năng về nghiên cứu và phát triển khá hơn, Việt Nam có thể đóng vai trò đi đầu trong việc phát triển và thử nghiệm các công nghệ giảm thiểu và thích ứng phù hợp với khu vực cũng như đề ra các chiến lược trọng lĩnh vực này. Việt Nam có thể chia sẻ kinh nghiệm của mình với Lào, Campuchia để giúp các nước này xây dựng thực lực để đối phó với các nguy cơ liên quan tới biến đổi khí hậu, chẳng hạn như đối phó với các thảm họa liên quan tới thời tiết và ngăn chặn việc dịch bệnh lan tràn. Hiện tại, ba nước đã và đang hợp tác với nhau thông qua các thể chế khu vực như chương trình Tiểu vùng sông Mê Công mở rộng (GMS) do Ngân

hàng Phát triển châu Á (ADB) khởi xướng; Ủy hội Sông Mê Công (MRC), thành lập năm 1995 thông qua thỏa thuận hợp tác và phát triển bền vững giữa Việt Nam, Lào, Campuchia và Thái Lan; và thông qua ASEAN, tập trung chủ yếu vào các vấn đề kinh tế. Ngoài ba cơ chế hợp tác này, giữa Việt Nam, Lào và Campuchia còn có những cơ hội hợp tác khác để cùng xây dựng chiến lược và các giải pháp đối phó với tình trạng biến đổi khí hậu, hướng tới sự phát triển bền vững.

Một số triển vọng hợp tác cho Việt Nam, Lào, Campuchia trong ứng phó với tình trạng biến đổi khí hậu

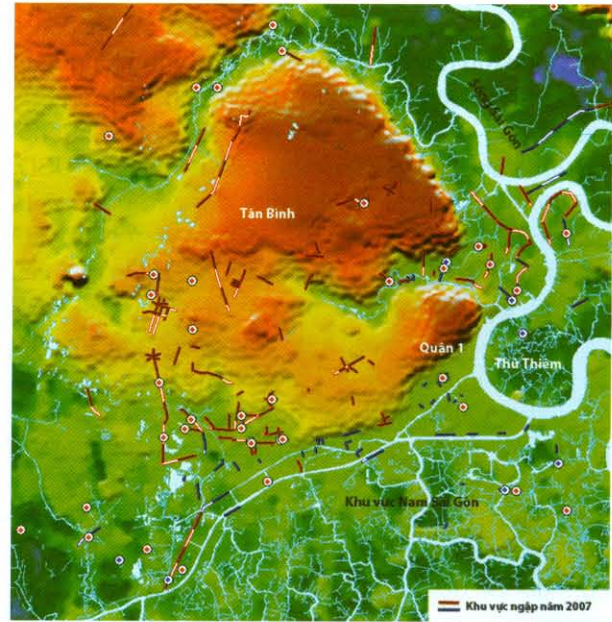
Hợp tác về công nghệ để tăng cường các công nghệ năng lượng tái sinh

Nếu không tính nguồn năng lượng từ thủy điện, thì việc phát triển nguồn điện năng từ các nguồn tái sinh vẫn còn hạn chế tại cả ba quốc gia. Có nhiều cơ hội để Việt Nam, Lào và Campuchia có thể hợp tác để tăng cường việc sử dụng năng lượng tái sinh, đặc biệt là các công nghệ qui mô nhỏ cung cấp năng lượng cho các khu vực nông thôn. Việt Nam hiện đã thực hiện một số sáng kiến qui mô nhỏ liên quan đến vấn đề này, trong đó có việc sử dụng lò sưởi dùng nước làm nóng bằng năng lượng mặt trời, khí sinh học và các hệ thống năng lượng từ gió, thủy điện qui mô nhỏ.

Tuy nhiên, do hầu hết các công nghệ Việt Nam có trong việc sản xuất năng lượng từ gió và thủy điện nhỏ nhưng các công nghệ này có chất lượng thấp và sản xuất ở qui mô nhỏ là nhập khẩu. Tăng cường khả năng chế tạo và nghiên cứu hiện nay có thể mang lại cho Việt Nam một cơ hội để sản xuất các công nghệ năng lượng tái sinh với chi phí thấp phù hợp với nhu cầu nội địa và nhu cầu tại các nước đang phát triển có cùng điều kiện khác. Các công nghệ này có thể chia sẻ với Lào và Campuchia để hỗ trợ điện hoá ở khu vực nông thôn. Sự hỗ trợ của các cơ quan viện trợ quốc tế, chẳng hạn thông qua các cam kết thúc đẩy thị trường có thể giúp tạo ra một thị trường đa dạng cho các công nghệ tái sinh của Việt Nam tại Campuchia và Lào cũng là một yếu tố cần tính đến.

Xây dựng “khu vực hàm lượng cacbon thấp” (LCZ) để thu hút đầu tư nước ngoài và thúc đẩy nghiên cứu và phát triển nội địa

Dựa trên mô hình vùng đặc quyền kinh tế, Việt Nam, Lào và Campuchia có thể xem xét việc thành



lập *khu vực hàm lượng cacbon thấp (LCZ)* nối liền ba nước. Những khu vực như vậy có thể được phát triển thông qua một chiến lược hàm lượng cacbon thấp thống nhất để thu hút và tập trung nguồn đầu tư vào lĩnh vực nghiên cứu và phát triển nhằm có các công nghệ thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu. LCZ cũng có thể là một kênh để mua, điều chỉnh cho thích ứng và phổ biến các công nghệ có liên quan, đặc biệt là từ Trung Quốc, nước đang phát triển thực lực chế tạo các công nghệ hàm lượng cacbon thấp hiệu quả về mặt chi phí. LCZ cũng có thể được coi là nơi thử nghiệm các công nghệ mới, các chính sách kinh tế để có thể làm cơ sở phổ biến thực hiện trên diện rộng tại cả ba quốc gia. Các cuộc đàm phán cấp cao đã và đang được thực hiện giữa lãnh đạo ba nước để triển khai Tam giác Phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia. Tam giác này sẽ gồm 10 tỉnh và được Quỹ Hội nhập Nhật Bản - ASEAN (JAIF) viện trợ 20 triệu USD (kể từ năm 2006). Từ khi ba nước thông qua Tuyên bố Viên Chân về việc thành lập Tam giác Phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia và Kế hoạch Hành động tháng 11/2004 cho tới nay, có ít tiến triển đã đạt được để có thể thúc đẩy việc thực hiện ý tưởng này. Ba quốc gia có thể tận dụng những cơ hội sử dụng chiến lược hàm lượng cacbon thấp để phát triển và thu hút thêm nguồn tài trợ từ bên ngoài. Cả Việt Nam, Lào, Campuchia có thể học hỏi các kinh nghiệm trong việc phát triển và thực hiện khái niệm về các khu vực hàm lượng của Trung Quốc như việc

hướng tới tính khả thi của những sự lựa chọn đối với việc thành lập các vùng như vậy bởi đó là một phần trong chiến lược tổng thể của nước này nhằm hướng tới một nền kinh tế hàm lượng cacbon thấp.

Thúc đẩy mua bán điện trong khu vực để giảm thiểu khí thải gây hiệu ứng nhà kính (GHG)

Thúc đẩy việc mua bán điện trong khu vực từ các nguồn thủy điện cũng là một hướng đi cho ba nước trong việc tăng cường sự tiếp cận với nguồn điện năng trong khi vẫn có thể giảm thiểu khí thải GHG. Các hệ thống đường dây năng lượng hợp nhất cũng có thể tăng tính hiệu quả và giảm nhu cầu đầu tư mới. Việt Nam đã và đang đầu tư phát triển thủy điện tại Lào và tìm kiếm cơ hội tại Campuchia để cung cấp nguồn điện năng cho nhu cầu nội địa của mình. Trung Quốc hiện cũng đóng vai trò quan trọng với nguồn đầu tư đáng kể vào việc xây đập lưu vực sông Mê Công, trong đó có tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), Lào và Campuchia. Tuy nhiên, việc phát triển nguồn thủy điện này cần phải được hoạch định kĩ lưỡng để giải quyết các quan ngại nghiêm trọng liên quan tới tác động về mặt xã hội và môi trường của các dự án này. Do đó, việc tiếp tục nghiên cứu sâu hơn là hết sức cần thiết để đánh giá đúng những tác động liên quan đến biến đổi khí hậu đối với nguồn nước sẵn có và tác động của dòng chảy đối với việc tạo ra nguồn thủy điện cũng như việc sử dụng nguồn nước. Ngoài việc giảm khí thải GHG, nguồn thủy điện còn giúp tăng cường an ninh năng lượng thông qua việc giảm sự phụ thuộc vào dầu mỏ và than là những nhiên liệu có hạn. Dự kiến Việt Nam sẽ trở thành nhà nhập khẩu ròng dầu mỏ và than vào năm 2015. Sự chuyển hướng này sẽ có tác động tới chi phí và việc cung cấp đầu vào cho sản xuất điện tại Việt Nam.

Điện thương mại trong khu vực có thể được thúc đẩy bằng việc cải thiện các hệ thống dẫn điện đang được xây dựng và nâng cấp chúng theo Chương trình. Năm 2003, các chính phủ của GMS đã kí Thỏa thuận liên chính phủ về thương mại và nối liền nguồn điện. Ủy ban Hợp tác Điện khu vực cũng đã được thành lập để giám sát việc định hình các khung hợp tác thương mại, định hình thể chế và các quy định đối với việc buôn bán điện trong GMS. Một kế hoạch hành động thống nhất của khu vực nhằm phát triển nguồn điện trong GMS cũng đang được xây dựng.

Phát triển các mạng lưới khu vực cho các dự án về tác động của biến đổi khí hậu tới nông nghiệp và ngư nghiệp

Tại cả ba quốc gia, việc nghiên cứu về những tác động có thể có của biến đổi khí hậu đối với việc sản xuất nông nghiệp và các hoạt động ngư nghiệp và giải pháp để đối phó với những tác động này tới nay vẫn còn hạn chế. Nghiên cứu nông nghiệp có thể tập trung vào việc phát triển các loại giống mới có thể chống mặn, chống ngập lụt và chống hạn hán; các công nghệ quản lí, trong đó có liên quan tới các loại sâu bệnh; hay nghiên cứu về việc xen canh mùa vụ. Đồng thời, nghiên cứu và phát triển trong nông nghiệp để tìm giải pháp thích ứng có thể hợp nhất với việc nghiên cứu về những cơ hội giảm thiểu nguồn khí thải GHG từ sản xuất nông nghiệp để bảo đảm rằng các biện pháp được đưa ra dưới hai luồng nghiên cứu tương hỗ chứ không phải là huỷ hoại lẫn nhau.

Những lỗ hổng kiến thức đáng kể hiện cũng tồn tại trong ngành ngư nghiệp. Do đó cần có thêm những nghiên cứu để nắm bắt rõ hơn về những tác động của những vấn đề phát sinh do thay đổi khí hậu đối với hệ sinh thái biển và sông đối với các loài khác nhau, qua đó tìm kiếm giải pháp khắc phục. Ngoài ra, việc nghiên cứu sâu hơn cũng rất cần thiết khi xét đến tác động của biến đổi khí hậu đối với việc nuôi trồng thủy sản tại một số khu vực ven biển. Khí hậu đa dạng, địa hình và hệ sinh thái của Việt Nam có thể là một nơi thử nghiệm hữu ích các biện pháp thích ứng và giảm thiểu mới. Các biện pháp đó có thể được nhân rộng tại Lào và Campuchia cũng như trong khu vực. Việt Nam cần phải đi đầu trong việc thiết lập các mạng lưới viện nghiên cứu khu vực để cùng nhau thực hiện nghiên cứu, trao đổi kết quả nghiên cứu và nâng cao kĩ năng của nông dân và ngư dân trong việc sử dụng các công cụ mới.

Xây dựng các chiến lược chung để chuẩn bị sẵn sàng đối phó với thiên tai trong khu vực

Là những nước đều dễ bị tổn thương trước thiên tai và ngày càng phải đối phó với các hậu quả do thiên tai gây ra. Nên biến đổi khí hậu sẽ tiếp tục gây ra thêm nhiều thiên tai và gia tăng thêm sức ép đối với cả ba quốc gia. Hiện nay, Việt Nam đã có một cơ chế đối phó với thiên tai khá phát triển. Cơ chế này bao gồm hệ thống cảnh báo sớm thiên

tai và các thể chế, các chiến lược đối phó với thiên tai và các biện pháp giảm thiểu tác động. Vì thế, hợp tác ba bên có thể tập trung vào việc xây dựng các chiến lược chung nhằm dự báo và đối phó với thiên tai, trong đó Việt Nam giúp tăng cường năng lực cho Lào và Campuchia bằng cách chia sẻ kinh nghiệm đối phó thiên tai, hợp nhất hệ thống cảnh báo sớm với các hệ thống tại Lào và Campuchia, đi đầu trong việc nghiên cứu để nắm rõ hơn về những tác động của biến đổi khí hậu theo chu kỳ cũng như mức độ khắc nghiệt của thiên tai...

Có một số sáng kiến hiện đã thực hiện có thể tạo ra một diễn đàn cho sự hợp tác ba bên như vậy, cũng như hợp nhất những tính toán về biến đổi khí hậu riêng của mỗi nước vào các chiến lược đối phó thiên tai chung. Chẳng hạn, một dự án của GMS đã được thực hiện từ năm 2009 nhằm tăng cường khả năng của các cộng đồng và các chính phủ tại Campuchia, Lào, Việt Nam và Thái Lan nhằm chuẩn bị sẵn sàng, đối mặt và khắc phục tác động tiêu cực của lũ, hạn hán. Dự án này đề ra những lộ trình cấp quốc gia và khu vực đối với việc tăng cường năng lực kiểm soát nguy cơ lũ lụt và hạn hán và đánh giá những dự án đầu tư có thể cho việc kiểm soát lũ lụt tại Việt Nam, Lào và Campuchia. Sự hợp tác ba bên cũng có thể được hỗ trợ thông qua Trung tâm Giảm thiểu và kiểm soát lũ lụt khu vực của MRC tại Campuchia. Ngoài việc dự báo lũ lụt hàng ngày, trung tâm này còn có nhiệm vụ hỗ trợ việc kiểm soát đất chung và lập kế hoạch sử dụng đất, phát triển cơ sở hạ tầng cũng như kiểm soát khẩn cấp lũ lụt xuyên biên giới.

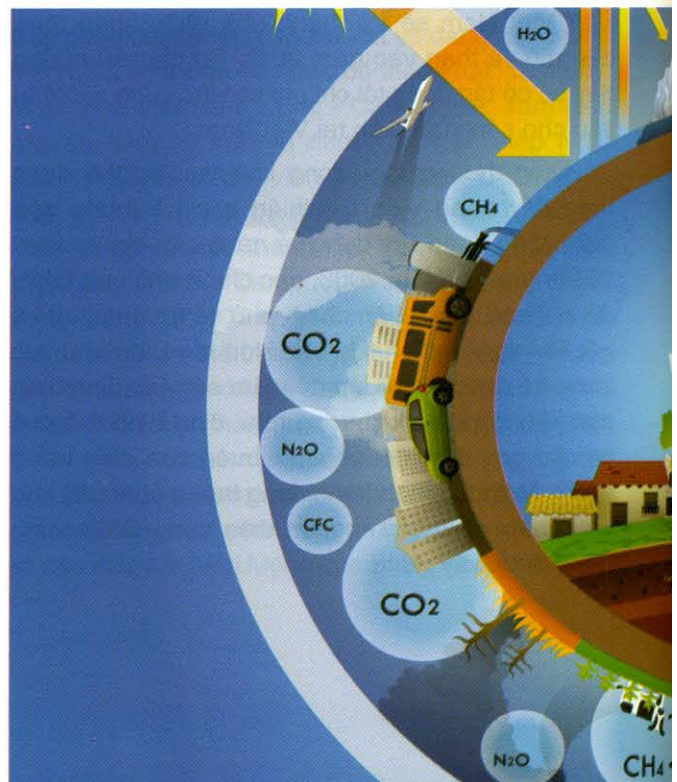
Hợp tác kiểm soát di cư qua biên giới tại các khu vực bị tác động bởi biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu có thể thúc đẩy việc di cư trong khu vực vốn đã lan rộng tại khu vực sông Mê Công. Hiện tại, các đích đến chủ yếu của lao động di cư là Thái Lan, Campuchia và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc). Qui mô và xu hướng của việc di cư do biến đổi khí hậu khó có thể đoán trước được. Biến đổi khí hậu có thể sẽ gia tăng các động lực chủ yếu của việc di cư trong tương lai. Tại khu vực sông Mê Công, dân cư tại các khu vực ven biển sẽ có nguy cơ bị tác động nhiều nhất bởi biến đổi khí hậu, đặc biệt là tại vùng châu thổ sông Mê Công. Cường độ gió xoáy ngày càng tăng có thể dẫn tới một sự di chuyển lớn, có thể là tạm thời hoặc cũng có thể là lâu dài, của cư dân tại các khu

vực bờ biển phía tây của Việt Nam và Campuchia. Di cư có thể sẽ gây ra nhiều tác động tiêu cực cho chính các khu vực bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu, bao gồm cả những căng thẳng xã hội, những thay đổi trong cấu trúc gia đình, sự lan tràn của dịch bệnh, nạn buôn người, sự xuống cấp của môi trường sống và tàn phá các nguồn lực tự nhiên... Đồng thời, di cư cũng có thể mang lại những cơ hội đối với việc thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua việc tạo ra thu nhập thêm dưới dạng tiền gửi của người thân tới những vùng bị ảnh hưởng. Hợp tác ba bên giữa Việt Nam, Lào và Campuchia có thể tập trung vào các vấn đề như đưa những tính toán về di cư vào các chiến lược đối phó thiên tai chung của khu vực, thu thập và chia sẻ dữ liệu về việc tuyển dụng và định cư của những người di cư, cũng như phát triển các sáng kiến chung nhằm kiểm soát tình hình di cư không chính thức.

Hợp tác xây dựng cơ chế kiểm soát và đối phó với các bệnh truyền nhiễm cấp khu vực

Những thay đổi do biến đổi khí hậu gây ra trong cấu trúc thời tiết cũng như các dịch bệnh có thể làm gia tăng sự lan tràn của bệnh truyền nhiễm ở người, cây cối và súc vật. Vì thế, một sự hợp nhất về kinh tế ngày càng gắn gũi trong khu vực sông Mê Công thông qua phát triển cơ sở hạ tầng, thúc đẩy thương mại, trao đổi lao động sẽ làm tăng nguy cơ bệnh dịch lan tràn vượt qua đường biên giới. Do vậy, tồn tại một lợi ích to lớn trong việc ba quốc gia hợp tác với nhau để không chỉ đối phó với các bệnh dịch trong một nước mà còn tạo ra các hệ thống



kiểm soát cấp khu vực nhằm chuyển từ việc đối phó khẩn cấp sang ngăn ngừa sớm sự lan tràn của bệnh dịch.

Hiện đã có một số sáng kiến đang thực hiện nhằm thúc đẩy sự hợp tác giữa ba quốc gia. Dự án Kiểm soát dịch bệnh khu vực của GMS là một ví dụ nhằm tăng cường các hệ thống đối phó và giám sát ở cấp quốc gia tại ba nước, nâng cao khả năng kiểm soát dịch bệnh cho các nhóm người dễ bị tổn thương và tăng cường hợp tác khu vực. Những sáng kiến này có thể được mở rộng nhằm hợp nhất những tính toán về biến đổi khí hậu vào các chiến lược kiểm soát và ngăn ngừa bệnh dịch của cả ba quốc gia.

Hợp tác xây dựng hệ thống quản lí hệ sinh thái xuyên biên giới để nâng cao năng lực thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu

Do ba nước cùng chia sẻ một số hệ sinh thái biển và trên cạn quan trọng đòi hỏi phải có các chiến lược thích ứng chung nhằm đối phó với những tác động xuyên biên giới của biến đổi khí hậu và hợp nhất các chiến lược thích ứng với các kế hoạch phát triển khác có tác động tới các hệ sinh thái này. Hợp tác kiểm soát hệ sinh thái chung có thể mang lại nhiều cơ hội cho việc giảm thiểu khí thải GHG từ việc thay đổi cách thức sử dụng đất, chẳng hạn như tình trạng phá rừng để sản xuất gỗ hay chuyển đổi đất tự nhiên thành đất nông nghiệp...

Lưu vực sông Mê Công là một trong những hệ sinh thái như vậy và nó kéo dài vượt qua cả ba quốc gia. Khu vực này được đánh giá là một trong những điểm chịu tác động mạnh nhất của biến đổi

khí hậu ở Đông Nam Á. Những tác động của biến đổi khí hậu có thể dự báo trước được dọc theo sông Mê Kông gồm có những mối đe dọa với các nguồn thủy sản, sự sẵn có của nguồn nước và việc sản xuất nông nghiệp phục vụ nhu cầu tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Việt Nam cùng với Thái Lan có nguy cơ phải đối mặt với việc thiếu nước trong khi vấn đề này lại không đáng quan ngại đối với Lào và Campuchia. Sự hợp tác trên lĩnh vực phân bổ nguồn nước, trong đó có cả việc lập kế hoạch cho các dự án thủy điện, vì thế sẽ trở thành một vấn đề quan trọng cho khu vực.

Như vậy, việc hiện thực hóa một số triển vọng hợp tác trên đây không nhất thiết đòi hỏi phải thiết lập các thoả thuận chính trị hay thoả thuận về thể chế mới giữa ba nước. Thay vào đó, cần vào các lĩnh vực có thể hợp tác thực tế trên một số hoạt động cụ thể và tập trung vào những ưu tiên chính sách chung. Các chiến lược có thể bao gồm cùng thúc đẩy các dự án biến đổi khí hậu hiện nay, chẳng hạn như việc hình thành các hành lang vận tải trung tính về lượng khí thải cacbon; cùng tập trung những tính toán về biến đổi khí hậu vào các hoạt động có liên quan lẫn nhau

Các triển vọng hợp tác này có thể được thực hiện ở cấp ba bên, nhưng đồng thời cũng có thể thực hiện thông qua hợp tác với các nước khác. Nhanh chóng hướng tới việc phát triển một chiến lược hàm lượng cacbon thấp đáng tin cậy sẽ cho phép Việt Nam, Lào và Campuchia tận dụng được các cơ hội tài trợ. Nó cũng cho phép các nước sông Mê Công chuyển các nguồn vốn tài trợ liên quan tới biến đổi khí hậu sang thúc đẩy các ưu tiên phát triển qui mô rộng hơn, chẳng hạn như tăng cường các hệ thống giáo dục và năng lực nghiên cứu và phát triển tạo ra việc làm, cải thiện khả năng tiếp cận năng lượng và tạo ra một môi trường đầu tư hấp dẫn hơn thông qua phát triển cơ sở hạ tầng. Sự hợp tác ba bên sẽ hỗ trợ thúc đẩy nỗ lực này thông qua việc chia sẻ kinh nghiệm, nghiên cứu và công nghệ, đồng thời nó cũng sẽ bảo đảm rằng những tác động của biến đổi khí hậu tại các quốc gia khác không ảnh hưởng tới những ưu tiên phát triển nội địa của một quốc gia đơn lẻ.🌐

